

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Công ty đại chúng:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Báo cáo năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**
- Tên tiếng Anh: **AGIMEXPHARM PHARMACEUTICAL JOINT-STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **AGIMEXPHARM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1600699279 cấp lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.
- Vốn điều lệ: 26.399.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.399.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).
- Trụ sở chính: 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: 076 – 3856 964/ 3856 960
- Số fax: 076 – 3857 301
- Website: www.agimexpharm.com

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Xí nghiệp Dược phẩm An Giang được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ.UB ngày 10/06/1981 của UBND tỉnh An Giang.
- Năm 1992, Công ty chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước với tên đầy đủ là “Xí nghiệp liên hiệp Dược An Giang”, tên viết tắt là ANGIPHARMA.
- Cuối năm 1996, Công ty Dược phẩm An Giang chính thức được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ.UB ngày 07/12/1996 của UBND Tỉnh An Giang trên cơ sở sáp nhập Công ty Dược và Vật tư Y tế An Giang vào Xí nghiệp Dược phẩm An Giang.
- Năm 2003, Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2778/QĐ.UB ngày 29/12/2003 của UBND Tỉnh An Giang.
- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000020 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2004, với vốn điều lệ là 6.776.900.000 đồng.

- Tháng 12/2007, Công ty đã phát hành thêm 1.522.310 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 22.000.000.000 đồng.
- Tháng 05/2008, Công ty chính thức ký Hợp đồng hợp tác liên doanh với cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, đồng thời đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Tháng 10/2012, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu), vốn điều lệ tăng lên thành 26.399.600.000 đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 1600699279 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 08 năm 2013.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
 - Mua bán thuốc, dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, mỹ phẩm, nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm, vaccin và sinh phẩm y tế, thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, tinh dầu từ thảo dược.
 - Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.
 - Mua bán thức ăn gia súc
 - Sản xuất nước uống đóng bình, đóng chai
 - Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
 - Sản xuất thức ăn gia súc
 - Sản xuất mỹ phẩm
 - In ấn bao bì
 - Kinh doanh bất động sản
 - Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Hoạt động chính của Agimexpharm là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.
- Địa bàn kinh doanh chính của Agimexpharm là Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh, miền Trung và một số tỉnh miền Bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại như sau:

- **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của Công ty (Địa chỉ: Số 27, Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang).
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm:** Địa chỉ số 66, Vũ Trọng Phụng, Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:** Địa chỉ số 24, đường số 3, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

4.2. Mô hình quản trị



Mô hình quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm AGIMEXPHARM

4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- **Ban Giám đốc:** Là cơ quan chịu trách nhiệm điều hành, quản lý, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.
- **Các phòng chức năng và chi nhánh**
 - **Phòng Tổ chức – Nhân sự:** Có nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, quản trị hành chính văn thư lưu trữ, tuyển dụng, giải quyết các vấn đề về tiền lương, chế độ chính sách cho công nhân viên, công tác đời sống và trật tự, an toàn Công ty.
 - **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu cho Ban Giám đốc về việc phát triển sản xuất, kinh doanh hàng trong nước và nước ngoài, lập các đề án hàng độc quyền, hàng có lãi, và hoạch định chiến lược kinh doanh nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.
 - **Phòng Kế hoạch – Cung ứng:** Đảm bảo cung ứng đủ vật tư phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý.
 - **Phòng bán hàng – Phát triển thị trường:** Xây dựng kế hoạch bán hàng và phát triển thị trường trong và ngoài nước một cách hiệu quả.
 - **Phòng Xuất Nhập khẩu:** Tham mưu và thực thi các chiến lược xuất nhập khẩu của Công ty; Khảo sát, nghiên cứu thị trường, xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm của Công ty (trước mắt là thị trường Đông Nam Á); Thực hiện các thủ tục, vấn đề pháp lý về hải quan – xuất nhập khẩu, các nghiệp vụ về ngoại thương.
 - **Phòng Marketing:** Định dạng thương hiệu Agimexpharm, quảng bá và đẩy mạnh các sản phẩm của Agimexpharm đang sản xuất kinh doanh đến các thị trường trong và ngoài nước.
 - **Phòng Huấn luyện Sản phẩm:** Thực hiện và tham gia huấn luyện, đào tạo nhằm bổ sung, cập nhật thông tin các sản phẩm, các kỹ năng bán hàng của Agimexpharm và của các đối tác (Quản trị các khuyến cáo của cơ quan chức năng đến từng nhân viên).
 - **Phòng Chăm sóc Khách hàng – Hệ Điều trị:** Có chức năng tư vấn, trả lời các thắc mắc của khách hàng về giá cả, sản phẩm, dịch vụ, các chương trình khuyến mãi...thuộc hệ điều trị và làm tất cả những gì cần thiết để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.
 - **Chuỗi nhà thuốc GPP:** Gồm 6 nhà thuốc của Công ty tại thành phố Long Xuyên đạt tiêu chuẩn nhà thuốc GPP.
 - **Phòng Kế toán tài chính:** Có nhiệm vụ hạch toán, phân bổ chi phí, tổng hợp, quyết toán theo Luật kế toán đã ban hành. Lập báo cáo sản xuất, báo cáo tài chính đúng kỳ.
 - **Bộ phận Nghiên cứu & Phát triển:** Đảm nhận vai trò nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, xây dựng công thức, quy trình sản xuất thuốc mới đồng thời kết hợp với xưởng sản xuất, phòng kiểm tra chất lượng để nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm liên quan đến quy trình sản xuất.
 - **Phòng Đảm bảo chất lượng:** Có nhiệm vụ quản lý hệ thống chất lượng gồm: theo dõi, giám sát nhằm đảm bảo sản phẩm luôn luôn đạt chất lượng tốt an toàn và hiệu quả.
 - **Xưởng sản xuất:** Có nhiệm vụ sản xuất thuốc theo kế hoạch sản xuất của Công ty.
 - **Phòng Kỹ thuật:** Đảm bảo các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt sẵn sàng phục vụ sản

xuất (bảo trì, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn,...), đảm bảo hệ thống điện, nước, nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, thông gió luôn ổn định, tham gia công tác thẩm định và tự thanh tra.

- **Kho:** Bộ phận kho có nhiệm vụ tồn trữ, bảo quản nguyên liệu và thành phẩm theo đúng những tiêu chuẩn và điều kiện quy định GSP.
- **Bộ phận Kiểm tra chất lượng:** Có chức năng xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm và kiểm nghiệm các nguyên liệu, bao bì, sản phẩm trung gian, bán thành phẩm, thành phẩm và lưu mẫu đầy đủ.
- **Chi nhánh TP.HCM:** Có chức năng kinh doanh, phân phối tại khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận, làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra và quản lý công nợ. Chi nhánh TP.HCM bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2005.
- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm:** Nhà máy dược phẩm Agimexpharm của Công ty chính thức được Cục Quản lý Dược Việt Nam cấp giấy chứng nhận GMP – WHO và đi vào hoạt động vào tháng 08 năm 2008. Các dạng bào chế được sản xuất tại nhà máy: viên nén, viên bao phim, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc kem, thuốc mỡ, thuốc gel, dung dịch thuốc dùng ngoài, dung dịch thuốc uống, siro thuốc, thuốc hít, hỗn dịch, nhũ dịch.

5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Phát triển ổn định, đảm bảo việc làm và cổ tức cho cổ đông.
- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
 - Sắp xếp lại cơ cấu phát triển sản phẩm để khai thác hiệu quả 2 dây chuyền sản xuất Kem – Mỡ – Nước và Viên – Cốm – Bột, phù hợp với tốc độ tăng trưởng.
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường và tiếp tục tổ chức thực hiện quản lý tiền và hàng hóa.
 - Tiếp tục khai thác sản phẩm hiện có đến hệ điều trị và mở rộng OTC.
 - Bổ sung nguồn nhân lực giỏi đảm nhận các chương trình sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.
- **Với môi trường, xã hội và cộng đồng:** ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, đền ơn, đáp nghĩa đối với cộng đồng, xã hội.

6. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí chính phản ánh thực trạng nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Nói chung, khi nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội tăng trưởng của doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Rủi ro về luật pháp

Ngành Dược là một trong những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước vì đây là ngành nghề có liên quan đến sức khỏe của người dân. Hiện tại, Luật Dược là văn bản pháp lý quy định các hoạt động của ngành Dược được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005. Điều này một phần đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành dược phẩm một môi trường pháp lý tương đối ổn định. Bên cạnh đó, các quy định pháp luật khác liên quan đến hoạt động của Công ty như Luật Doanh nghiệp, các Luật thuế, Luật đất đai, Luật thương mại, Pháp lệnh giá,... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh an toàn, Công ty luôn nỗ lực nghiên cứu và tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời trong những trường hợp đặc biệt, Công ty sẽ thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi.

Rủi ro đặc thù

Sự phụ thuộc nguyên liệu đầu vào luôn là một thách thức đối với doanh nghiệp, hiện có đến 90% nguyên vật liệu phải nhập khẩu chủ yếu từ các nước Châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Singapore, bên cạnh đó là các nước từ Châu Âu như Tây Ban Nha, Hà Lan, Thụy Sĩ... Các nguyên liệu được nhập chủ yếu là nguyên liệu kháng sinh, vitamin chiếm trên 80% giá trị nhập khẩu.

Do ảnh hưởng của lạm phát, giá cả của phần lớn các nguyên vật liệu cũng như hàng hóa đều tăng. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 40% trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty nên sự thay đổi giá của nguyên vật liệu sẽ tác động không nhỏ đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, Công ty đã phối hợp các bộ phận có liên quan để dự báo sự tăng giá và có dự liệu tồn kho thích hợp nhằm hạn chế rủi ro.

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm là một trong những lĩnh vực được Nhà nước quản lý giá chặt chẽ. Do đó, trong trường hợp giá cả đầu vào thay đổi bất lợi nhưng giá bán sản phẩm của Công ty không thay đổi kịp thời sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty luôn nỗ lực dự báo giá cả nguyên liệu đầu vào cũng như nghiên cứu các chính sách của Nhà nước nhằm giảm thiểu các rủi ro này trong hoạt động kinh doanh.

II. TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Tổ chức và nhân sự

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành, và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	P.Chủ tịch HĐQT
3	Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT
4	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT
6	Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT
7	Trương Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT
Ban điều hành		
1	Nguyễn Văn Kha	Giám Đốc
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Giám Đốc thường trực
3	Phạm Thị Bích Thủy	Phó Giám Đốc đảm bảo chất lượng
4	Lê Thái Minh Trang	Kế Toán Trưởng
Ban kiểm soát		
1	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng BKS
2	Nguyễn Văn Hoàng	Kiểm soát viên
3	Hồ Thanh Phong	Kiểm soát viên

1.2. Tóm tắt lý lịch

Ông NGUYỄN VĂN KHA

Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 16/05/1953

CMND : 021606144 cấp ngày 29/07/2003 tại CA TP.HCM

Nơi sinh: An Giang

Quê quán : An Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 390 Đường Tên Lửa, Q. Bình Tân, TP.HCM

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1973 – 1979: Học Đại học Dược khoa Sài Gòn
- Từ 1980 – 1981: Công tác tại Khoa dược Đại học Y dược TP.HCM
- Từ 1982 – 1994: Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm An Giang
- Từ 1995 – 2001: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Lam Sơn TP.HCM
- Từ 2002 – 2004: T.V. BKS Công ty Dược phẩm 3/2 TP.HCM
- Từ 2005 – 2007: Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm – Thành viên HĐQT
- Từ 2007 – 2012: Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm
- Từ 2013 – nay : Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 33.439 cổ phần

Bà NGUYỄN THỊ NAM HÓA

Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Giám đốc thường trực

Ngày tháng năm sinh : 22/02/1954

CMND : 351674155 cấp ngày 27/07/2001 tại CA tỉnh An Giang

Nơi sinh: An Giang

Quê quán : An Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 23/2B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1979 – 1983: Học Đại học Y Dược TP.HCM
- Từ 3/1984 – 4/1987:
 - + Công tác tại phòng Kỹ thuật – Nghiên cứu
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc Tiêm nước thuộc Xí nghiệp LHợp Dược An Giang
- Từ 4/1987 – 12/1989:
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc viên
 - + Phó quản đốc phân xưởng Nghiên cứu – Sản xuất thuốc Xí nghiệp LHợp Dược An Giang
 - + Quản đốc phân xưởng thuốc viên
- Từ 12/1989 – 12/1996: Phó Giám đốc Xí nghiệp Liên Hợp Dược An Giang
- Từ 12/1996 – 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 12/2003 – 6/2004: Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang

- Từ 6/2004 – 7/2007: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm
- Từ 7/2007 – 6/2013: Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTY CP DP Agimexpharm
- Từ 6/2013 – nay: Phó Giám đốc thường trực kiêm Phó Chủ tịch HĐQT CTY CP DP Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 33.354 cổ phần.

Bà TRẦN THỊ ĐÀO

Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh : 01/05/1952

CMND : 340580662 cấp ngày 31/12/2003 tại Công an tỉnh Đồng Tháp

Nơi sinh: Đồng Tháp

Quê quán : Hồng ngự, Đồng Tháp

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 05 Trương Định, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1967 – 1974: Phó Ban lãnh đạo xưởng Dược, Bí thư Chi bộ Ban Dân Y khu VIII
- Từ 1974 – 1977: Học Bổ túc Văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 1977 – 1980: Học chuyên tu Đại học Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 1980 – 1983: Phó phòng Nghiệp vụ Dược – Sở Y tế Đồng Tháp
- Từ 1983 – 1984: Học Nga văn ở Trường Quản lý Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ 1984 – 1998: Giám đốc Công ty Dược Đồng Tháp
- Từ 1999 – 2000: Giám đốc Công ty Dược phẩm Trung Ương 7
- Từ 2001 – 2004: Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Từ 2005 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Từ 2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty CPDP Imexpharm
- Thành viên HĐQT, Công ty CP Dược S.Pharm
- Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Dược Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Công ty CP Dược Dapharco

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2013): 0 cổ phần.

Ông PHẠM UYÊN NGUYỄN

Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh : 08/06/1968

CMND : 022017374 cấp ngày 25/11/2003 tại Công an TP.HCM

Nơi sinh: TPHCM

Quê quán : Quảng Nam

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 19D Thạch Thị Thanh, Q.1, TP.HCM

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ 1988 – 1991: Phóng viên tập sự báo Tuổi Trẻ TP.HCM
- Từ 1991 – 1994: Cán bộ nghiên cứu Viện kinh tế TP.HCM
- Từ 1994 – 1997: Du học Singapore chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành tài chính ngân hàng.
- Từ 1997 – 2000: Phó trưởng ban Thẩm định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM
- Từ 2000 – 2003: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt chi nhánh TP.HCM
- Từ 2003 – 2007: Giám đốc điều hành kiêm trưởng văn phòng đại diện Công ty Vina Capital Investment Management Ltd.
- Từ 2007 – 2012: Tổng giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ hợp lực Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Công ty CP Văn Hóa Phương Nam
- Thành viên HĐQT, Công ty CP Thế kỷ 21

Số cổ phần nắm giữ (31/12/2013): 339.837 cổ phần

Ông NGUYỄN QUỐC ĐỊNH

Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh : 20/06/1962

CMND : 340246886 cấp ngày 12/12/2012 tại Công an tỉnh Đồng Tháp

Nơi sinh: Đồng Tháp

Quê quán : Đồng Tháp

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 97 Hùng Vương, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Tài chính – Kế Toán

Quá trình công tác:

- Từ 1979 – 1984: Học Đại học Tài Chính Kế Toán – Cơ sở 2 TP. Hồ Chí Minh
- Từ 1985 – 1991: Chuyên viên Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1992 – 1995: Phó phòng Tài Chính Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1995 – 1999: Trưởng phòng Nghiệp vụ I Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1999 – 2000: Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm Trung Ương 7
- Từ 2001 – 2004: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
- Từ 2005 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 0 cổ phần.

Bà PHẠM THỊ BÍCH THỦY

Thành viên HĐQT, kiêm Phó giám đốc đảm bảo chất lượng

Ngày tháng năm sinh : 31/01/1969

CMND : 350875600 cấp ngày 27/07/2001 tại CA tỉnh An Giang

Nơi sinh: Hải Phòng

Quê quán : An Giang

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 620/16 Bùi Văn Danh, Đồng Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1989 – 1994: Học Đại học Y dược TPHCM
- Từ 1995 – 1997: KSV tổ Pha chế xưởng dược Công ty DP An Giang
- Từ 1997 – 2001: Tổ phó tổ Pha chế Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 2001 – 2004: Phó Quản đốc Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 2004 – 2006: Thành viên HĐQT, Quản đốc xưởng dược Công ty CP DP An Giang
- Từ 2006 – 2008: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP DP An Giang
- Từ 2008 – 2012: Học Dược sĩ chuyên khoa 1, Trường Đại học Y dược TP.HCM
- Từ 2008 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP DP Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 44.739 cổ phần.

Bà TRƯƠNG THỊ KIM LOAN

Thành viên HĐQT, kiểm trưởng phòng Kinh Doanh, trưởng phòng Chăm sóc KH hệ điều trị

Ngày tháng năm sinh : 10/08/1966

CMND : 351624054 cấp ngày 18/07/2013 tại CA tỉnh An Giang

Nơi sinh: Hải Phòng

Quê quán : An Giang

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 19A Thủ Khoa Nghĩa, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang

Trình độ học vấn : Đại học

Trình độ chuyên môn : Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1986 – 1991: Học Đại học Y dược TPHCM
- Từ 1991 – 1997: Chuyên viên tổ Pha chế xưởng dược Công ty DP An Giang
- Từ 1998 – 2003: Trình dược Hãng Pierre Fabre
- Từ 2004 – 2005: Trình dược Hãng Bayer Schering
- Từ 2006 – 2009: Trình dược Hãng MSD
- Từ 2009 – 2011: Trình dược Hãng Astrazeneca
- Từ T10/2011 – nay: Trưởng phòng Chăm sóc khách hàng hệ điều trị, Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Từ T9/2013 – nay: Trưởng phòng Kinh doanh kiêm Trưởng phòng CSKH hệ điều trị Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 36.033 cổ phần

Bà LÊ THÁI MINH TRANG

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh : 06/08/1982

CMND : 351387364 cấp ngày 18/10/2010 tại Công an tỉnh An Giang

Nơi sinh: An Giang

Quê quán : An Giang

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 9X3, Nguyễn Hữu Thọ, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, An Giang

Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1997 – 2000: Học Trường PTTH chuyên Thoại Ngọc Hầu
- Từ 2000 – 2004: Học Đại học DL Văn Lang
- Từ 2005 – 2008: Kế toán tổng hợp, Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Năm 2008: Học Kỹ năng quản lý dành cho quản lý cấp trung và người mới được bổ nhiệm do VCCI đào tạo
- Từ 2008 – 2010: Phó phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Năm 2009: Học Bồi dưỡng kế toán trưởng do Trường ĐH mở TP.HCM đào tạo
- Từ 2010 – 2012: Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
- Từ 2012 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: không có

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 1.670 cổ phần.

Bà TRẦN THỊ THANH HẰNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 03/11/1977

CMND : 025026183 cấp ngày 20/10/2008 tại Công an TP.HCM

Nơi sinh: Tiền Giang Quê quán : Tiền Giang

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 168/34H, Đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 2000: Học Đại học Hàng Hải
- Từ 2001 – 2003: Thạc sĩ Kinh tế vận tải biển Trường Đại học Hàng Hải
- Từ 2000 – 2007: Giảng viên Khoa Kinh tế Vận tải biển Trường ĐH GTVT TP.HCM
- Từ 2004 – nay: Giảng viên bán cơ hữu dạy Môn Thị trường chứng khoán Khoa Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP.HCM
- Từ 2004 – 2006: Giám đốc Công ty CP Phát Phát TP.HCM
- Từ 2007 – 2010: Giám đốc Công ty CP Hồng Ngân TP.HCM
- Từ 2009 – 2013: Cử nhân Luật Trường Đại học luật TP.HCM
- Từ 2010 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Đào tạo Doanh Chủ TP.HCM
- Từ 2007 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP DP Agimexpharm
- Từ 2010 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ
- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Kỹ Nghệ Đô Thành

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 2.400 cổ phần.

Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 09/08/1967

CMND : 340675866 cấp ngày 22/02/2002 tại Công an tỉnh Đồng Tháp
Nơi sinh: Đồng Tháp Quê quán : Đồng Tháp
Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 703, Quốc lộ 30, Ấp 1, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Tài Chính – Kế Toán
Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 1998: Học Đại học Tài Chính Kế Toán TP.HCM
- Từ 1990 – 1995: Chuyên viên Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1995 – 1999: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ I Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp
- Từ 1999 – 2001: Chuyên viên Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
- Từ 2001 – nay: Phó Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP DP Imexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Dược phẩm Imexpharm

Số cổ phiếu nắm giữ (đến 31/12/2013): 0 cổ phần.

Ông HỒ THANH PHONG

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 06/10/1978

CMND : 351203496 cấp ngày 27/07/2001 tại Công an tỉnh An Giang

Nơi sinh: An Giang Quê quán : An Giang

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 3A4 Tú Xương, khóm Bình Thới 2, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, An Giang

Trình độ học vấn : Đại học Trình độ chuyên môn : Dược sĩ

Quá trình công tác:

- Từ 1996 – 1999: Học Trường THYT An Giang
- Từ 1999 – 2007: Nhân viên Công ty Dược phẩm An Giang
- Từ 2007 – 2011: Học Trường Đại học Y Dược TP.HCM
- Từ 2011 – nay: Tổ trưởng ĐG1, xưởng sản xuất Công ty CP DP Agimexpharm

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: không có

Số cổ phiếu nắm giữ (31/12/2013): 1.309 cổ phần.

1.3. Thay đổi nhân sự Trong Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24/05/2013, đã bầu ra 7 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó:

- Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Quốc Định và Bà Trương Thị Kim Loan được bầu vào; ông Lê Hoàng không trúng cử.
- Ban kiểm soát: Ông Nguyễn Văn Hoàng và Hồ Thanh Phong được bầu vào; ông Lê Ngọc Hồng không trúng cử và bà Lâm Hoàng Anh không được đề cử.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 – 2017, bầu ra Ban điều hành gồm:

- Ông Nguyễn Văn Kha chức vụ: Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Nam Hóa chức vụ: Phó giám đốc thường trực

- Bà Phạm Thị Bích Thủy
- chức vụ: Phó giám đốc đảm bảo chất lượng
- Bà Lê Thái Minh Trang
- chức vụ : Kế Toán Trưởng

2. Cơ cấu cổ đông

Vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 26.399.600.000 (Hai mươi sáu tỉ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng), được chia thành 2.639.960 cổ phần với mệnh giá 10.000đ/cổ phần.

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ GDKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	1400384433	682.599	25,86%
2	Phạm Uyên Nguyên	Số 19D, Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM	022017374	339.837	12,87%
3	Nguyễn Thị Nam Hóa (đại diện Tổng Công ty ĐT và KD vốn Nhà nước)	Số 6 Phan Huy Chú, Hà Nội	155/2005/ QĐ/TTg 20/06/2005	316.800	12,00%

2.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ GDKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Nam Hóa (đại diện Tổng Công ty ĐT và KD vốn Nhà nước)	Số 06 Phan Huy Chú, Hà Nội	155/2005/ QĐ/TTg 20/06/2005	316.800	12,00 %
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Số 23/2B Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	351674155	33.354	1,26%
3	Phạm Thị Bích Thủy	Số 620/16 Bùi Văn Danh, P. Đông Xuyên, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	350875600	44.739	1,70%
4	Nguyễn Văn Kha	Số 390 Đường Tên Lửa, Quận Bình Tân, TP. HCM	021606144	33.439	1,27%
5	Lê Hoàng	Số 898/8 K. Đông Thịnh 4, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	350097438	15.802	0,60%

2.3. Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty có 316 cổ đông và cơ cấu sở hữu cổ phần

Đơn vị: Mười ngàn đồng

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nhà nước	1	316.800	12,00%
2	Trong Công ty			
	- HĐQT(*)	5	487.402	18,46%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	- Ban Giám đốc(**)	0	0	0%
	- Ban kiểm soát	2	3.709	0,14%
	- Kế Toán Trưởng	1	1.670	0,06%
	- CBCNV(***)	88	268.155	10,16%
3	Ngoài Công ty			
	- Trong nước	219	1.562.224	59,17%
	- Nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	316	2.639.960	100%

Ghi chú: (*) không bao gồm Kế toán trưởng.

(**) không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT.

(***) Cổ Đông là CBCNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch 2014

Năm 2013, khủng hoảng kinh tế còn tiếp diễn. Kinh tế nước nhà tiếp tục bị ảnh hưởng. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp được trong và ngoài nước ngày càng tăng cao; các nguyên phụ liệu; dịch vụ, xăng dầu, điện, nước điều chỉnh liên tục, ảnh hưởng đến chi phí đầu vào; sức mua giảm, cung lớn hơn cầu, hàng tồn kho cao; khả năng thanh toán của khách hàng chậm,...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng cập nhật thị trường, linh hoạt trong quản lý - điều hành và quyết tâm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch.

1.1. Kết quả hoạt động

Các chỉ tiêu kinh doanh 2013: Hoàn thành vượt kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Đơn vị tính: Tỷ đồng
				TH2013/ TH2012
Tổng doanh thu:	204,3	253,3	206	123,98%
+ Cty mua ngoài:	73,8	95,3	74	129,13%
+ Cty sản xuất:	130,5	158,0	132	121,07%
Lợi nhuận trước thuế:	8,97	15,35	9,21	171,13%

Lợi nhuận trước thuế tăng 66,67% so với kế hoạch, tăng 71,13% so với năm 2012. Công ty đã khai thác hiệu quả các sản phẩm chiến lược đáp ứng xu hướng điều trị hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty đã kiểm soát tốt các chi phí và thực hành tiết kiệm,... góp phần tạo nên lợi nhuận cao hơn.

Hoạt động bán hàng và phát triển thị trường

Phát huy vai trò của chi nhánh TP.HCM đối với các đối tác kinh doanh phân phối tại TP.HCM, miền bắc, miền trung (chiếm 50% doanh thu).

Đa dạng hóa khách hàng, đối tác trong kinh doanh, phát huy tiềm năng ưu thế của đối tác. Tôn trọng tối đa nguyên tắc win – win.

Doanh số hệ điều trị (ETC) từ 30% lên 45%, trong năm 2013, gần 100 sản phẩm của Công ty trúng thầu ở các bệnh viện trên toàn quốc; chất lượng và hiệu quả điều trị được đánh giá cao. Giá trị thật của các sản phẩm đặc trị: viêm gan siêu vi B, kháng sinh, tim mạch, tiểu đường, cơ xương

khớp, hạ lipid máu, kháng nấm,... đã nhờ tuyến điều trị, săn sóc khách hàng đúng phương pháp chuẩn mực và thực thi chiến lược của Công ty.

Bổ sung nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn cao vào đội ngũ bán hàng.

Đẩy mạnh giám sát bán hàng, tính toán hiệu quả các chương trình khuyến mãi, tổ chức thực hiện tốt thu nợ quá hạn, nợ khó đòi,... giảm thiểu các rủi ro tài chính.

Hoạt động sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng

Sản lượng các dạng bào chế:

Thuốc	2012	2013	2013/2012 (%)
Gói (gói)	16.650.000	25.212.000	157%
Viên nang (viên)	47.900.000	51.597.344	107%
Viên nén (viên)	250.392.000	196.700.000	78,6%
Cốm (chai)	400.000	497.500	124%
Thuốc nước (chai)	601.500	692.753	115%
Dạng Kem (tube)		25.000	

Năm 2013, Công ty đã tập trung vào các sản phẩm chiến lược, cốt lõi.

Chất lượng sản phẩm là tiêu chí ưu tiên và là giá trị thật, Công ty đã đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giám sát, đầu tư thiết bị kiểm tra chất lượng và kiểm soát chặt chẽ các thông số trọng yếu trong quá trình sản xuất.

Bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, nâng cao năng suất lao động, tăng cỡ lô sản phẩm, khai thác tốt công suất máy và giảm lãng phí, hư hỏng. Nhà máy hoạt động trung bình 2 ca/ngày; và không có tình trạng hủy thuốc.

Hệ thống quản lý chất lượng tiếp tục nâng cao GMP/GSP/GLP/GDP/GPP và ISO 9001:2008. Tổ chức đào tạo định kỳ về GMP, GLP, GSP, GDP, GPP, An toàn vệ sinh lao động, PCCC, vận hành và bảo trì thiết bị.

Công tác nghiên cứu và phát triển: đã gửi 131 hồ sơ đăng ký Cục Quản lý Dược (90 đăng ký lại và 41 đăng ký mới). Đây là sự nỗ lực của R&D.

Năm 2013 có 27 sản phẩm được cấp số đăng ký. Tổng số sản phẩm được cấp số đăng ký là 314, triển khai sản xuất 28 sản phẩm mới.

Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng trong năm giúp giảm thời gian và chi phí: chế tạo bộ chiết rót thuốc dạng dung dịch vào máy ép gói Volpak, bộ thử độ rã của viên đặt phụ khoa,... Công ty đã khen thưởng cho những tập thể và cá nhân có thành tích.

Nhân sự

Công ty đã rà soát, sắp xếp và giảm các biên chế thiếu hiệu quả. Đồng thời luân chuyển và bổ nhiệm quản lý trực tiếp nhằm đa năng, đa hiệu, đa nhiệm trong công việc.

Công ty luôn cố gắng đào tạo các CBNV tích cực, toàn tâm với công việc, với Công ty, đảm bảo thu nhập và thực hiện tốt hơn các chế độ chính sách. Ban điều hành tập trung vào kết quả và làm những việc đem lại giá trị gia tăng; không hài lòng sự bẽ phái và thiếu ý thức cầu tiến, học hỏi.

Tổng số CBNV là 220 người. Trong đó, sau đại học 7 người, đại học 44 người, cao đẳng - trung cấp 150 người, sơ cấp và công nhân kỹ thuật 19 người.

Trong những năm qua, nền kinh tế biến động, nhiều doanh nghiệp phá sản, giảm biên chế, giảm lương nhưng thu nhập CBNV vẫn đảm bảo và tăng qua các năm. Công ty cố gắng xây dựng, vun đắp cho cuộc sống của 1 đại gia đình Agimexpharm.

Hoạt động tài chính kế toán

Đảm bảo vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường. Hỗ trợ tích cực chính sách bán hàng của Công ty một cách kịp thời.

Kiểm soát tốt các chi phí, nợ phải thu và hàng tồn kho. Tham mưu cho Ban quản trị điều hành lập các quỹ: quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ dự phòng nợ khó đòi,... và xem xét các chính sách bán hàng, chương trình khuyến mãi. Ngày càng tập trung vào dòng tiền và quản trị rủi ro.

Công ty thực hiện chính sách thuế theo quy định pháp luật hiện hành.

Hoàn thành báo cáo tài chính kiểm toán đúng hạn.

Công tác Xã hội

Công ty quan tâm, có trách nhiệm đền ơn, đáp nghĩa đối với cộng đồng xã hội, đã góp quỹ khen thưởng các trường học, quỹ vì người nghèo, tham gia khám bệnh, phát thuốc miễn phí cho bà con ở vùng sâu vùng xa, bà con ở biên giới,... Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, nhà Đại đoàn kết trong tỉnh. Tổng giá trị đóng góp năm 2013 là 365 triệu đồng.

1.2. Các yếu kém cần khắc phục

Ban quản trị điều hành Công ty nhận thấy những hạn chế sau:

1. Dây chuyền sản xuất Kem – Mỡ – Nước: chưa khai thác tốt do số đăng ký sản phẩm mới còn rất ít.
2. Khó khăn về nhân sự giỏi, nhiều năm liền vẫn chưa bù đắp theo mong cầu. Đội ngũ bán hàng thiếu, chưa có nhiều nhân lực giỏi đảm nhận các chương trình bán hàng và phát triển thị trường
3. Nợ quá hạn: nợ phải thu của khách hàng tăng 11,87 tỷ so với năm 2012, đa số là khách hàng hệ điều trị.
4. Vốn sản xuất, kinh doanh vẫn là một vấn đề cần được tiếp tục tìm nguồn tài trợ và đang trong tiến trình hoàn tất tăng vốn điều lệ.

1.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Năm 2014, kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, lãi vay dự báo giảm, lạm phát được kiểm soát, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân tăng cao,... tạo cơ hội cho các doanh nghiệp được phát triển ổn định, đảm bảo việc làm và cổ tức cho cổ đông.

Kế hoạch 2014

Về sản xuất: Sắp xếp lại cơ cấu phát triển sản phẩm để khai thác hiệu quả 2 dây chuyền sản xuất Kem – Mỡ – Nước và Viên – Cốm – Bột, phù hợp với tốc độ tăng trưởng.

Về tài chính: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường và tiếp tục tổ chức thực hiện quản lý tiền và hàng hóa.

Về thị trường: Tiếp tục khai thác sản phẩm hiện có đến hệ điều trị (40%) và mở rộng OTC (60%).

Về đầu tư: Đang có đề án Sản xuất thuốc tiêm và nhượng quyền (khoảng 15 sản phẩm tiêm, dịch truyền đặc trị).

Về chỉ tiêu kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	KH2014/TH2013
Tổng doanh thu	253,3	296	116,86%
Doanh thu hàng mua ngoài	95,3	96	100,73%
Doanh thu hàng Cty sản xuất	158,0	200	126,58%
Lợi nhuận trước thuế	15,35	18,8	122,48%

Giải pháp

Đẩy mạnh kiểm tra kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng. Đồng thời, cải tiến các quy trình sản xuất, trình bày nhãn hàng và nâng cao năng suất.

Tiếp tục phát triển sản phẩm mới, phù hợp với xu hướng điều trị.

Tìm đối tác phân phối sản phẩm nhằm tăng khả năng hội nhập thị trường.

Tăng cường kiểm soát các chỉ số hàng tồn kho, chi phí, nợ phải thu của khách hàng, lập các quỹ dự phòng theo luật định,... giảm rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Hợp quản trị mở rộng cùng các cán bộ quản lý về từng chủ đề của Công ty để đưa ra các giải pháp tối ưu.

Thu hút nguồn nhân lực có tài, có tâm đảm nhận các chương trình sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.

Với kết quả đạt được năm 2013 là nền tảng cho sự ổn định và phát triển của Công ty. Ban quản trị điều hành cùng đội ngũ CBNV Agimexpharm quyết tâm thực hiện với tinh thần năng động, sáng tạo, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2014.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2012	THỰC HIỆN 2013	+/- THỰC HIỆN 2013/ 2012	KẾ HOẠCH 2013	+/- THỰC HIỆN 2013/ KẾ HOẠCH
I.- Chỉ tiêu SXKD					
Doanh thu thuần	204 292	253 266	24,0%	206 000	22,9%
- Hàng hóa mua ngoài	73 839	95 279	29,0%	74 000	28,8%
- Hàng công ty sản xuất	130 452	157 987	21,1%	132 000	19,7%
- Lợi nhuận trước thuế	8 966	15 354	71,2%	9 210	66,7%
- Lợi nhuận sau thuế	6 884	11 033	60,3%	6 210	77,7%
II.- Chỉ tiêu đánh giá					
Doanh thu hàng AG/Tổng doanh thu	63,9%	62,4%	-2,3%	64,1%	-2,6%
Lãi gộp/doanh thu thuần	39,9%	36,5%	-8,5%	39,1%	-6,6%
Lãi gộp/doanh thu thuần hàng AG	55,3%	48,5%	-12,4%	54,0%	-10,2%
Giá vốn trên doanh thu	60,1%	63,5%	5,7%	60,9%	4,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp trước trích lập quỹ khoa học công nghệ/ doanh thu	5,6%	4,3%	-22,7%	5,3%	-19,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp sau trích lập quỹ khoa học công nghệ/doanh thu		6,0%			
Chi phí bán hàng trên doanh thu	26,8%	22,5%	-16,0%	26,7%	-15,5%

Doanh thu năm 2013 là 253 tỷ đồng (tăng 24% so với 2012) đạt 122,9% kế hoạch. Trong đó hàng sản xuất 158 tỷ đồng (tăng 21,1% so với 2012) đạt 119,7% kế hoạch.

Giá vốn hàng bán có tốc độ tăng cao hơn doanh thu, tăng 31% so với 2012 và tăng 28,1% so với

kế hoạch 2013.

Chi phí bán hàng tăng 4,1% so với năm 2012. Tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu giảm từ 26,8% (năm 2012) xuống còn 22,5% (năm 2013) Do năm 2013, công ty thay đổi chính sách bán hàng, tăng chiết khấu trên hóa đơn làm giảm chi phí vượt mức khống chế.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 34,3% so với năm 2012, chiếm tỷ trọng 6%/doanh thu do công ty có trích lập quỹ khoa học công nghệ và quỹ dự phòng nợ khó đòi làm chi phí quản lý doanh nghiệp tăng thêm 4,3 tỷ đồng. Nếu loại trừ chi phí trích lập quỹ trên thì tỷ lệ này chỉ chiếm 4,3% so với năm 2012 là 5,6%. Chứng tỏ công ty đã hợp lý hóa trong việc tổ chức thực hiện.

Lợi nhuận trước thuế tăng 71,2% so với năm 2012. Đây là điều đáng ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể CBNV trong việc tối ưu hóa hoạt động thị trường và sản xuất mặc dù giá cả đầu vào tăng cộng thêm áp lực cạnh tranh.

2.2. Về cơ cấu tài sản – nguồn vốn:

Nội dung	2012	Tỷ trọng	2013	Tỷ trọng
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn	79 968	62,6%	100 060	68,8%
Tài sản dài hạn	47 852	37,4%	45 365	31,2%
Tổng tài sản	127 820	100,0%	145 425	100,0%
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả	66 697	52,2%	77 695	53,4%
Vốn chủ sở hữu	61 123	47,8%	67 730	46,6%
Tổng nguồn vốn	127 820	100,0%	145 425	100,0%

Tổng tài sản của công ty tăng hơn 17 tỷ chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng cụ thể là hàng tồn kho tăng 7 tỷ và các khoản phải thu tăng gần 12 tỷ. Do năm 2013, doanh thu tăng và kế hoạch mua nguyên liệu dự trữ để đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh. Trong khi đó, tài sản dài hạn hầu như ít biến động do trong năm 2012, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc Kem – Mỡ – Nước và dự án phần mềm quản lý đến năm 2013 đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu ít biến động. Nợ phải trả tăng nhẹ từ 52,2% lên 53,4%. Tỷ lệ này vẫn nằm trong mức an toàn về tài chính.

2.3. Các tỷ số tài chính:

Khả năng thanh toán	2012	2013
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,3	1,4
Khả năng thanh toán nhanh	0,8	0,9

Khả năng thanh toán hiện hành của công ty lớn hơn 1, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn có độ đảm bảo an toàn. Tỷ số thanh toán nhanh còn nhỏ hơn 1, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền vẫn còn thấp cần phải cải thiện.

Tỷ số đòn bẩy	2012	2013
Nợ phải trả/Tổng tài sản	52,2%	53,4%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	109,1%	114,7%

Hai tỷ số trên cho thấy tài chính công ty năm 2013 ổn định và an toàn. Nhưng Ban điều hành

nhận thấy sự rủi ro trong việc sử dụng vốn vay nên 2014 sẽ có phương án tốt hơn trong việc sử dụng và tìm nguồn vốn chi phí thấp, kiểm soát và tổ chức thu nợ tốt hơn, định mức tồn kho hợp lý, nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Tỷ suất sinh lợi	2012	2013
Lãi gộp/doanh thu thuần	39,9%	36,5%
Lợi nhuận từ HĐKD/doanh thu thuần	4,2%	6,0%
Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	4,4%	6,1%
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu	3,4%	4,4%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	7,0%	10,6%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,4%	7,6%
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	14,7%	22,7%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,3%	16,3%
Thu nhập của mỗi cổ phiếu (EPS)	2.607	4.179
Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	34,0%	58,2%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	26,1%	41,8%

Các tỷ suất về lợi nhuận ROS, ROA, ROE đều tăng so với năm 2012 cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã được cải thiện và phát triển theo hướng tích cực, thị trường ngày càng mở rộng.

Năm 2013 đánh dấu hiệu quả của thay đổi chính sách bán hàng và phản ánh chất lượng sản phẩm của Agimexpharm ngày càng được giới chuyên môn và người tiêu dùng tin cậy.

Hệ số hoạt động	2012	2013
Vòng quay khoản phải thu	1,31	5,70
Số ngày phải thu	274,17	63,11
Vòng quay hàng tồn kho	4,19	4,93
Số ngày tồn kho	85,9	73,0
Vốn lưu động bình quân (triệu đồng)	17.347	21.677
Vòng quay vốn lưu động	11,8	11,7

Vòng quay khoản phải thu tăng đáng kể so với năm trước do công ty đã kiểm soát tốt nợ phải thu, giám sát bán hàng luôn duy trì nhằm hiểu rõ thêm nhu cầu khách hàng, tính hiệu quả của các chương trình khuyến mãi, thúc đẩy công tác thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi,...

2.4. Những điểm nổi bật về tài chính trong năm 2013

Thay đổi chính sách khuyến mãi đã làm giảm đáng kể chi phí bán hàng góp phần khống chế chi phí vượt mức làm gia tăng lợi nhuận sau thuế.

Tiếp tục quản lý chặt chẽ nợ khó đòi. Trích lập dự phòng để hạn chế rủi ro.

Cập nhật được trị giá lãi của từng sản phẩm để điều chỉnh chính sách khuyến mãi, chi phí bán hàng hiệu quả nhất.

Lập quỹ khoa học công nghệ để phục vụ cho việc nghiên cứu đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm mới, phát huy sáng kiến cải thiện hiệu quả công việc.

2.5. Kế hoạch phát triển năm 2014

- Doanh thu – lợi nhuận 2014:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2014	Tăng/giảm KH2014 so với TH2013
Tổng doanh thu	296,8	16,9%
Lợi nhuận trước thuế	18,8	121,2%

- Tìm nguồn vốn đủ cho sản xuất kinh doanh, giải pháp tối ưu hạn chế rủi ro.
- Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, công nợ, và chi phí.
- Khai thác tốt hơn Nhà máy Kem – Mỡ – Nước và phần mềm quản lý.
- Tập trung vào các sản phẩm đặc trị có thị phần ổn định, sản phẩm ít cạnh tranh.
- Tìm kiếm bổ sung nguồn nhân lực giỏi đảm nhận các chương trình sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.

3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

3.1. Về hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của BKS năm 2013. Một số kết quả hoạt động của BKS là:

1. Họp định kỳ 1 lần/quý giữa các TV BKS & luôn có mặt đầy đủ TV tham dự.
2. Thực hiện giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên.
3. Giám sát việc thực hiện các mục tiêu mà HĐQT đã đề ra.
4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
5. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.
6. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
7. Giám sát tình hình hoạt động SXKD của công ty.
8. Theo dõi & đánh giá Phương hướng & các chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ.

Trong năm 2013, BKS duy trì chế độ họp định kỳ, các thành viên trong BKS đã thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, từng thành viên được phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng theo chương trình làm việc của BKS. Đại diện BKS có mặt đầy đủ các kỳ họp của HĐQT để ghi nhận mọi hoạt động của công ty và báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trong các kỳ họp.

3.2. Về kết quả hoạt động giám sát:

3.2.1. Kiểm soát báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả kinh doanh năm 2013:

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2012	So sánh năm 2013/2012	
		(đồng)	(đồng)	Tuyệt đối	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.569.283.187	206.284.909.079	49.284.374.108	123,89
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.303.151.101	1.993.270.593	309.880.508	115,55
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.266.132.086	204.291.638.486	48.974.493.600	123,97
4	Giá vốn hàng bán	160.744.968.535	122.690.634.225	38.054.334.310	131,02
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.521.163.551	81.601.004.261	10.920.159.290	113,38
6	Doanh thu hoạt động tài chính	511.339.997	355.687.124	155.652.873	143,76
7	Chi phí tài chính	5.431.763.642	7.118.553.155	(1.686.789.513)	76,30
	Trong đó: Lãi vay phải trả	5.199.927.909	6.900.610.003	(1.700.682.094)	75,35
8	Chi phí bán hàng	57.064.811.817	54.803.591.243	2.261.220.574	104,13
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.247.835.853	11.353.694.562	3.894.141.291	134,30
10	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	15.288.092.236	8.680.852.425	6.607.239.811	176,11
11	Thu nhập khác	66.299.538	285.492.936	(219.193.398)	23,22
12	Chi phí khác	-	-	-	-
13	Lợi nhuận khác	66.299.538	285.492.936	(219.193.398)	23,22
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.354.391.774	8.966.345.361	6.388.046.413	171,24
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.321.871.908	2.082.850.631	2.239.021.277	207,50
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.032.519.866	6.883.494.730	4.149.025.136	160,27
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.179	2.607	1.572	160,30

Nhận xét:

- Doanh thu năm 2013 tăng 49.284.374.108 đồng, đạt 123,89% so với năm 2012.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2013 tăng, đạt tỷ lệ 143,76% so với năm 2012
- Lợi nhuận sau thuế tăng gần gấp đôi, đạt tỷ lệ 160,27% so với lợi nhuận năm ngoái. Có thể nói công ty đã hoạt động rất tốt. Ban giám đốc đã có sự thay đổi vượt bậc để gia tăng về doanh thu lẫn lợi nhuận.

b. Cơ cấu doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	%DT	Năm 2012	%DT	So sánh 2013/2012
Tổng Doanh Thu	253.843.771.621	100,00	204.932.818.546	100,00	123,87
Doanh thu bán thành phẩm	157.987.255.028	62,24	130.452.333.139	63,66	121,11
Doanh thu bán hàng hóa	95.278.877.058	37,53	73.839.305.347	36,03	129,04
Doanh thu tài chính	511.339.997	0,20	355.687.124	0,17	143,76
Thu nhập khác	66.299.538	0,03	285.492.936	0,14	23,22

Nhận xét:

- Cơ cấu doanh thu năm 2013 không thay đổi nhiều so với năm 2012. Doanh thu bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất & chủ yếu.
- Doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng 62,24% so với tổng doanh thu và đạt tỷ lệ 121,11% so với năm 2012, doanh thu bán hàng hóa tăng 29,04% so với năm 2012. Và doanh thu hoạt

động tài chính tăng 43,76% so với năm 2012. Hầu hết các khoản doanh thu đều tăng đáng kể.

c. Tình hình thực hiện chi phí

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	%DT	Năm 2012	%DT	So sánh 2013/2012
	Tổng Doanh Thu	253.843.771.621	100,00	204.932.818.546	100,00	123,87
	Tổng Chi Phí	238.489.379.847	93,95	195.966.473.185	95,62	121,70
1	Giá vốn hàng bán	160.744.968.535	63,32	122.690.634.225	59,87	131,02
-	Giá vốn của thành phẩm đã bán	81.394.831.304	32,06	58.258.226.816	28,43	139,71
-	Giá vốn hàng hóa đã bán	79.350.137.231	31,26	64.432.407.409	31,44	123,15
2	Chi phí tài chính	5.431.763.642	2,14	7.118.553.155	3,47	76,30
-	Chi phí lãi vay	5.199.927.909	2,05	6.900.610.003	3,37	75,35
-	Chiết khấu thanh toán	89.326.673	0,04	138.509.525	0,07	64,49
-	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	142.509.060	0,06	79.433.627	0,04	179,41
3	Chi phí bán hàng	57.064.811.817	22,48	54.803.591.243	26,74	104,13
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.247.835.853	6,01	11.353.694.562	5,54	134,30

Nhận xét:

- Tổng chi phí toàn công ty là 238.489.379.847 đồng chiếm tỷ trọng 93,95% trên tổng doanh thu và đạt 121,70% so với năm 2012.
- Quan sát thấy tỷ trọng Doanh thu thành phẩm chiếm 62,24%, doanh thu bán hàng hóa chiếm 37,53% so với tổng DT, nhưng tỷ trọng giá vốn hàng hóa & thành phẩm không lệch nhau nhiều (xoay quanh 30%). Nền đầu tư kinh doanh thành phẩm có lợi nhuận tốt hơn cho công ty, Ban giám đốc có thể cân nhắc tình hình thành phẩm sản xuất tại công ty để có chiến lược hợp lý.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lần lượt là 22,48% và 6,01% so với tổng doanh thu & tỷ trọng này tăng nhẹ không đáng kể so với năm 2012. Chứng tỏ công ty cũng đã kiểm soát chi phí tốt.
- Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng 2,14% so với tổng doanh thu và giảm nhiều so với năm 2012.
- Nhìn chung, tổng chi phí năm 2013 so với năm 2012 tăng 21,70%, trong khi mức tăng doanh thu là 23,87%, đây là dấu hiệu tốt thể hiện việc điều hành rất hiệu quả của BGĐ công ty.

3.2.2. Kiểm soát báo cáo tài chính (Tính đến 31/12/2013)

a. Nhận xét tình hình Tài sản & Nguồn vốn:

TÀI SẢN	31/12/2013	01/01/2013	Chênh lệch	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100.059.954.230	79.967.608.516	20.092.345.714	125,13
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>8.211.470.076</i>	<i>6.543.520.542</i>	<i>1.667.949.534</i>	<i>125,49</i>
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>49.514.431.035</i>	<i>39.535.117.236</i>	<i>9.979.313.799</i>	<i>125,24</i>
1. Phải thu khách hàng	50.335.110.303	38.461.208.379	11.873.901.924	130,87
2. Trả trước cho người bán	601.764.010	306.664.036	295.099.974	196,23
3. Các khoản phải thu khác	1.226.901.455	767.244.821	459.656.634	159,91
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.649.344.733)	-	(2.649.344.733)	-
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<i>36.241.367.332</i>	<i>28.947.061.475</i>	<i>7.294.305.857</i>	<i>125,20</i>
1. Hàng tồn kho	36.241.367.332	28.947.061.475	7.294.305.857	125,20
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>6.092.685.787</i>	<i>4.941.909.263</i>	<i>1.150.776.524</i>	<i>123,29</i>

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14.000.000	-	14.000.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	6.078.685.787	4.941.909.263	1.136.776.524	123,00
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	45.364.890.092	47.851.904.161	(2.487.014.069)	94,80
I. Tài sản cố định	43.178.629.486	46.054.824.161	(2.876.194.675)	93,75
1. Tài sản cố định hữu hình	33.081.101.927	29.104.439.515	3.976.662.412	113,66
- Nguyên giá	51.244.937.635	45.513.182.234	5.731.755.401	112,59
- Giá trị hao mòn lũy kế	(18.163.835.708)	(16.408.742.719)	(1.755.092.989)	110,70
2. Tài sản cố định vô hình	10.097.527.559	8.608.202.000	1.489.325.559	117,30
- Nguyên giá	10.162.280.844	8.608.202.000	1.554.078.844	118,05
- Giá trị hao mòn lũy kế	(64.753.285)	-	(64.753.285)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	8.342.182.646	(8.342.182.646)	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.797.080.000	1.797.080.000	-	100,00
1. Đầu tư dài hạn khác	1.797.080.000	1.797.080.000	-	100,00
III. Tài sản dài hạn khác	389.180.606	-	389.180.606	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	389.180.606	-	389.180.606	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	145.424.844.322	127.819.512.677	17.605.331.645	113,77
NGUỒN VỐN	31/12/2013	01/01/2013	Chênh lệch	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	77.694.954.119	66.696.481.395	10.998.472.724	116,49
I. Nợ ngắn hạn	73.867.753.930	62.805.181.206	11.062.572.724	117,61
1. Vay và nợ ngắn hạn	47.981.772.903	42.421.946.025	5.559.826.878	113,11
2. Phải trả người bán	14.133.099.878	13.234.551.994	898.547.884	106,79
3. Người mua trả tiền trước	1.005.124	59.231.515	(58.226.391)	1,70
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.242.656.288	2.561.776.309	680.879.979	126,58
5. Phải trả người lao động	1.247.117.038	1.304.421.250	(57.304.212)	95,61
6. Chi phí phải trả	3.339.146.250	2.698.142.172	641.004.078	123,76
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.585.099.152	412.753.589	3.172.345.563	868,58
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	337.857.297	112.358.352	225.498.945	300,70
II. Nợ dài hạn	3.827.200.189	3.891.300.189	(64.100.000)	98,35
1. Vay và nợ dài hạn	2.103.800.189	3.891.300.189	(1.787.500.000)	54,06
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.723.400.000	-	1.723.400.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	67.729.890.203	61.123.031.282	6.606.858.921	110,81
I. Vốn chủ sở hữu	67.729.890.203	61.123.031.282	6.606.858.921	110,81
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	26.399.600.000	-	100,00
2. Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	19.363.666.700	-	100,00
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	4.662.862	-	100,00
4. Quỹ đầu tư phát triển	9.405.526.716	7.941.867.667	1.463.659.049	118,43
5. Quỹ dự phòng tài chính	1.623.914.059	1.279.739.323	344.174.736	126,89
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.932.519.866	6.133.494.730	4.799.025.136	178,24
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	145.424.844.322	127.819.512.677	17.605.331.645	113,77
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013	Chênh lệch	%
1. Nợ khó đòi đã xử lý	40.615.668	23.900.864	16.714.804	169,93

Nhận xét:

Tài sản:

- Nhìn chung là vốn lưu động toàn công ty năm 2013 tăng không đáng kể, tuy nhiên, đã có sự lưu chuyển tiền một cách hợp lý làm tăng thêm doanh thu cho công ty so với năm 2012.
- Khoản phải thu của khách hàng tăng, đạt tỷ lệ 130,87% so với năm trước, chiếm 50,30% so với tổng tài sản ngắn hạn, doanh nghiệp nên có những phương án & giải pháp nhằm thu hồi công nợ một cách có hiệu quả nhất.
- Hàng tồn kho năm 2013 tăng so với năm trước, đạt tỷ lệ 125,20%. Mặt khác, khi so sánh với tổng tài sản ngắn hạn trong năm thì hàng tồn kho chỉ chiếm tỷ trọng 36,22%. Doanh nghiệp nên có giải pháp để quản trị hàng tồn kho một cách có hiệu quả hơn nữa để có thể đẩy mạnh công tác bán hàng nhanh và hạn chế tồn đọng hàng tồn kho trong Doanh nghiệp như hiện nay.

Nguồn vốn:

- Khoản vay & nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng 61,76% so với tổng nợ phải trả năm 2013 và tăng 13,11% so với năm 2012. Nên phân tích thêm dòng tiền vào ra để có thể sử dụng 1 cách hiệu quả nhất dòng vốn vay hiện nay, mặc dù lãi vay có giảm so với năm 2012 vừa qua.
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng đột biến với tỷ lệ 868,58% so với năm 2012, doanh nghiệp cần chú ý nhiều hơn các khoản phải trả, phải nộp này trong năm tới.

b. Tình hình đầu tư liên kết

Năm 2013, Agimexpharm nhận được cổ tức của nhiều công ty nhờ mua cổ phần đầu tư, tổng giá trị được nhận là: 304.419.000 đồng.

3.2.3 Kiểm soát tuân thủ

- Sổ sách kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu về doanh thu, chi phí, theo đúng qui định của công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý.
- Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm,... được theo dõi đầy đủ, chi tiết có đối chiếu và xác nhận.
- Các Báo cáo tài chính năm 2013 được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2013 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

3.2.4. Kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và hệ thống quản trị Công ty

- HĐQT & BĐH công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ, Qui chế quản trị và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Luôn cố gắng hết sức để giúp công ty vượt qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng tình hình kinh tế chung.
- HĐQT & BĐH công ty đã phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- Tuy nhiên, trong quá trình kiểm soát, BKS cũng đã phát hiện & đánh giá việc sử dụng hệ thống phần mềm quản lý mà trước đây công ty mua & đang sử dụng là không đạt tiêu chuẩn & đã được quyết định đầu tư chưa đúng quy trình nên dẫn đến hậu quả lỗi phần mềm không khắc phục được, gây lãng phí. Ban giám đốc cần rút kinh nghiệm.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2013 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2014.
- BĐH luôn bám sát việc chỉ đạo và điều hành các hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực,...đáp ứng theo yêu cầu thực hiện các chương trình mục tiêu và các định hướng chiến lược đã được HĐQT công ty xác định.

3.3. Đánh giá và kiến nghị

BKS nhất trí với Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2013. Năm 2013, hoạt động của công ty tuân thủ theo Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các qui định của pháp luật. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 là lãi cao hơn nhiều so với năm ngoái & so với mức tăng trưởng ngành. Do đó, BKS kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì & giữ các mối quan hệ kinh doanh
- Theo dõi, giám sát khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt.
- Tiếp tục đánh giá độ phủ thị trường từng sản phẩm để chọn mặt hàng trọng điểm của AGP
- Đánh giá hiệu quả của phương án phát hành trong năm & đẩy nhanh quá trình phát hành.
- Tiếp tục duy trì công tác tái cấu trúc hệ thống quản lý doanh nghiệp, đảm bảo bộ máy nhẹ nhàng nhưng hiệu quả.
- Chủ động tìm kiếm khách hàng, có cơ chế phù hợp với từng khách hàng để thu hút & giữ khách hàng.

IV. HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2013

1. Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng

Danh sách HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát và kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cơ cấu của HĐQT	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT	TV.HĐQT điều hành	33.439	1,267
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	P.Chủ tịch HĐQT	TV.HĐQT điều hành	33.354	1,263
3	Trần Thị Đào	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	0	0
4	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	339.837	12,873
5	Nguyễn Quốc Định	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT không điều hành	0	0
6	Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT điều hành	36.033	1,365
7	Trương Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	TV.HĐQT điều hành	36.033	1,365
Ban điều hành					
1	Nguyễn Văn Kha	Giám Đốc		33.439	1,267
2	Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Giám Đốc		33.354	1,263
3	Phạm Thị Bích Thủy	Phó Giám Đốc		36.033	1,365
4	Lê Thái Minh Trang	Kế Toán Trưởng		1.670	0,063
Ban Kiểm soát					
1	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng BKS		2.400	0,09
2	Nguyễn Văn Hoàng	Kiểm soát viên		0	0
3	Hồ Thanh Phong	Kiểm soát viên		1.309	0,050

2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ds. Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ds. Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch	4/4	100%	
3	Ds. Trần Thị Đào	Thành viên	4/4	100%	
4	MBA. Phạm Uyên Nguyên	Thành viên	3/4	75%	Bận Công tác

5	CN. Nguyễn Quốc Định	Thành viên	%	75%	Được bầu là TV HĐQT từ 24/05/2013
6	Ds. Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên	4/4	100%	
7	Ds. Trương Thị Kim Loan	Thành viên	%	75%	Được bầu là TV HĐQT từ 24/05/2013

b. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát Giám đốc thông qua việc báo cáo của Giám đốc trong các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Cử thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào Ban Giám Đốc để kịp thời nắm bắt thông tin, cùng Giám đốc thực hiện việc điều hành Công ty đồng thời giám sát hoạt động của Giám đốc.

c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: không

3. Các Nghị Quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ – HĐQT	24/05/13	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012
2	02/NQ – HĐQT	24/05/13	Bầu các chức danh nhiệm kỳ 2013 – 2017.
3	15/QĐ – HĐQT	24/05/13	Sửa đổi điều lệ theo thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/12.
4	15/QĐ – HĐQT	06/06/13	Chấp thuận cho ông Lê Hoàng, nguyên phó Giám đốc tài chính, thôi việc kể từ ngày 08/06/13.
5	12/QĐ-AGP	06/09/13	Bổ nhiệm Ds. Trương Thị Kim Loan giữ chức vụ Trưởng Phòng Kinh Doanh kể từ ngày 09/09/2013 đến 30/06/2014.
6	03/NQ – HĐQT	18/12/13	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng, gửi UBCKNN

4. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban Kiểm Soát

Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2012 ngày 24/05/2013, thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát cố định là 360.000.000 đ/năm.

Thưởng HĐQT khi vượt kế hoạch: 10% giá trị vượt, chưa chi trong năm 2013 vì chờ Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2013 thông qua.

5. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trương Thị Kim Loan	CĐ nội bộ	15.254	0,578	36.033	1,365	Mua
2	Trần Thị Đào	CĐ nội bộ	6.000	0,227	0	0	Bán
3	Nguyễn Quốc Định	CĐ nội bộ	3.600	0,136	0	0	Bán

Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông lớn và người có liên quan): Không có.

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (theo báo cáo trên)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số: 48 /2014/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**
Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài báo cáo này, chúng tôi có gửi kèm theo Thư quản lý số 02/2014/SVCT-TQL ngày 31 tháng 03 năm 2014 để đề xuất một số vấn đề trong công tác quản lý của Công ty



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đặng Thị Thiên Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.059.954.230	79.967.608.516
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>V.1</i>	8.211.470.076	6.543.520.542
1. Tiền	111		8.211.470.076	6.543.520.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	<i>V.2</i>	49.514.431.035	39.535.117.236
1. Phải thu khách hàng	131		50.335.110.303	38.461.208.379
2. Trả trước cho người bán	132		601.764.010	306.664.036
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.226.901.455	767.244.821
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.649.344.733)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		36.241.367.332	28.947.061.475
1. Hàng tồn kho	141	<i>V.3</i>	36.241.367.332	28.947.061.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	<i>V.4</i>	6.092.685.787	4.941.909.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.078.685.787	4.941.909.263
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.364.890.092	47.851.904.161
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		43.178.629.486	46.054.824.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	33.081.101.927	29.104.439.515
- Nguyên giá	222		51.244.937.635	45.513.182.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.163.835.708)	(16.408.742.719)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	10.097.527.559	8.608.202.000
- Nguyên giá	228		10.162.280.844	8.608.202.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.753.285)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	8.342.182.646
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	<i>V.7</i>	1.797.080.000	1.797.080.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.797.080.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		389.180.606	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<i>V.8</i>	389.180.606	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.424.844.322	127.819.512.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.694.954.119	66.696.481.395
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		73.867.753.930	62.805.181.206
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	47.981.772.903	42.421.946.025
2. Phải trả người bán	312	V.10	14.133.099.878	13.234.551.994
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.005.124	59.231.515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.242.656.288	2.561.776.309
5. Phải trả người lao động	315		1.247.117.038	1.304.421.250
6. Chi phí phải trả	316	V.12	3.339.146.250	2.698.142.172
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	3.585.099.152	412.753.589
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		337.857.297	112.358.352
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		3.827.200.189	3.891.300.189
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	2.103.800.189	3.891.300.189
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.723.400.000	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.729.890.203	61.123.031.282
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.14	67.729.890.203	61.123.031.282
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.399.600.000	26.399.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.363.666.700	19.363.666.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4.662.862	4.662.862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.405.526.716	7.941.867.667
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.623.914.059	1.279.739.323
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.932.519.866	6.133.494.730
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.424.844.322	127.819.512.677

AA577
CHỈ NI
CÔNG
CH NHIE
KIỂM
SAO
TẾU.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		40.615.668	23.900.864
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập

Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		255.569.283.187	206.284.909.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.303.151.101	1.993.270.593
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.266.132.086	204.291.638.486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	160.744.968.535	122.690.634.225
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	92.521.163.551	81.601.004.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	511.339.997	355.687.124
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.431.763.642	7.118.553.155
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.199.927.909	6.900.610.003
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	57.064.811.817	54.803.591.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.247.835.853	11.353.694.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.288.092.236	8.680.852.425
11. Thu nhập khác	31		66.299.538	285.492.936
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		66.299.538	285.492.936
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.7	15.354.391.774	8.966.345.361
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.321.871.908	2.082.850.631
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.7	11.032.519.866	6.883.494.730
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.179	2.607

mluc

Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập

Uaiuly

Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



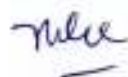
Nguyễn Văn Kha
Giám đốc
Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013**

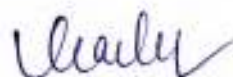
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	101.288.703.361	126.643.973.145
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(78.488.226.172)	(72.891.250.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.517.713.965)	(16.721.893.824)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.278.115.037)	(6.788.022.513)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.161.823.587)	(894.081.472)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	56.623.471.759	37.274.831.415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(52.368.030.073)	(63.429.760.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.266.286	3.193.795.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(425.396.536)	(2.811.977.263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	40.341.210
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	392.561.906	331.708.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.834.630)	(2.439.927.961)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83.161.539.169	84.592.893.915
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.389.212.291)	(79.863.318.651)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.169.809.000)	(2.609.926.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.602.517.878	2.119.649.264
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.667.949.534	2.873.516.929
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.543.520.542	3.670.003.613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.211.470.076	6.543.520.542



Trần Nguyễn Minh Hiền
Người lập



Lê Thái Minh Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 là 26.399.600.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có 2 chi nhánh đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và số 66 đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;

CHỖ NH
CÔNG
SÁCH BIẾ
KIỂM
SAO
VH KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu: các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở lên được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2013, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Cuối năm 2013, Công ty không có khoản đầu tư nào bị giảm giá cần lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2013, chi phí đi vay được vốn hóa là 241.280.536.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2013, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động, việc trả lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013, Công ty trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ số tiền 1.723.400.000.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2013, Công ty chưa phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

13. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Do chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%, đối với hoạt động mua bán thuốc tân dược và kinh doanh khác;
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Kể từ năm 2010, Công ty không còn được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính, khi thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy Sản xuất Dược phẩm tiêu chuẩn GMP – WHO Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Năm 2013 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án này.



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2013, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.506.190.977 (a)	913.848.129
Tiền gửi ngân hàng	6.705.279.099 (b)	5.629.672.413
Cộng	8.211.470.076	6.543.520.542

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty	1.222.054.246
- Tiền mặt tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	284.136.731
Cộng	1.506.190.977

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	4.078.256.031
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Lữ Gia	2.478.612.830
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	130.993.454
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang	15.638.296
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh	1.778.488
Cộng	6.705.279.099

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	50.335.110.303 (c)	38.461.208.379
Trả trước cho người bán	601.764.010 (d)	306.664.036
Các khoản phải thu khác	1.226.901.455 (e)	767.244.821
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.649.344.733)	-
Cộng	49.514.431.035	39.535.117.236

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Các khách hàng thuộc khối bệnh viện	4.782.131.653	52.205.903
- Các khách hàng thuộc khối công ty dược ngoài tỉnh	777.427.454	40.901.084
- Các khách hàng thuộc khối công ty TNHH	293.144.825	148.336.362
- Các khách hàng thuộc khối công ty Thành phố	800.349.522	255.838.056
- Các khách hàng thuộc các khối khác	43.682.056.849	2.152.063.328
Cộng	50.335.110.303	2.649.344.733

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Người bán	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Trả trước cho người bán tại Văn phòng Công ty	316.764.010	-
- Trả trước cho người bán tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	285.000.000	-
Cộng	601.764.010	-

(e) Chi tiết số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền	Dự phòng nợ khó đòi
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	88.031.746	-
- Thuế thu nhập cá nhân	80.320.576	-
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	1.054.944.774	-
- Các khoản phải thu khác	3.604.359	-
Cộng	1.226.901.455	-

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	19.676.920.858 (f)	11.308.690.925
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.735.050.632 (g)	2.779.336.872
Thành phẩm tồn kho	9.690.575.527 (h)	9.558.334.395
Hàng hóa tồn kho	5.138.820.315 (i)	5.300.699.283
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.241.367.332	28.947.061.475

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2013 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số tiền
- Nguyên vật liệu chính	15.367.069.558
- Vật liệu phụ	4.309.851.300
Cộng	19.676.920.858

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2012 như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Số tiền
- Hoá chất	1.178.024.513
- Phụ liệu	557.026.119
Cộng	1.735.050.632

(h) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2013 chủ yếu là thuốc tồn kho các loại.

(i) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2013 như sau:

Hàng hóa	Số tiền
- Văn phòng Công ty	505.771.564
- Nhà thuốc số 1	118.471.313
- Nhà thuốc số 2	83.760.197
- Nhà thuốc số 3	64.118.754
- Nhà thuốc số 4	140.512.535
- Nhà thuốc số 6	127.793.936
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.098.392.016
Cộng	5.138.820.315

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	6.078.685.787 (j)	4.941.909.263
Cộng	6.092.685.787	4.941.909.263

(j) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Tài sản thiếu chờ giải quyết	219.115.334
- Tạm ứng	1.074.045.420
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.785.525.033
Cộng	6.078.685.787

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	45.513.182.234	8.971.264.670	3.239.509.269	51.244.937.635
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.134.937.741	5.015.364.945	13.374.000	27.136.928.686
- Máy móc, thiết bị	18.453.729.933	3.837.543.725	551.687.897	21.739.585.761
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.994.247.036	-	121.297.092	1.872.949.944
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.930.267.524	118.356.000	2.553.150.280	495.473.244
Hao mòn lũy kế	16.408.742.719	2.955.356.680	1.200.263.691	18.163.835.708
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.947.170.016	950.171.716	11.195.280	6.886.146.452
- Máy móc, thiết bị	8.198.004.913	1.709.782.591	343.792.473	9.563.995.031
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.393.694.455	192.438.246	108.545.820	1.477.586.881
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	869.873.335	102.964.127	736.730.118	236.107.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Giá trị còn lại	29.104.439.515			33.081.101.927
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.187.767.725			20.250.782.234
- Máy móc, thiết bị	10.255.725.020			12.175.590.730
- PT vận tải, TB truyền dẫn	600.552.581			395.363.063
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.060.394.189			259.365.900

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Nhà xưởng dầu – mỡ - nước	5.015.364.945
- Máy móc xưởng dầu – mỡ - nước	3.568.098.237
- Các TSCĐ khác	387.801.488
Cộng	8.971.264.670

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Tài sản cố định hữu hình giảm do điều chỉnh sang tài sản cố định vô hình	1.554.078.844
- Tài sản cố định hữu hình giảm do kết chuyển sang công cụ, dụng cụ các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC	1.685.430.425
Cộng	3.239.509.269

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.912.522.405
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.622.576.979
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	8.608.202.000	1.554.078.844	-	10.162.280.844
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000	-	-	8.608.202.000
- Phần mềm kế toán	-	1.554.078.844	-	1.554.078.844
Hao mòn lũy kế	-	64.753.285	-	64.753.285
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	-	64.753.285	-	64.753.285
Giá trị còn lại	8.608.202.000			10.097.527.559
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000			8.608.202.000
- Phần mềm kế toán	-			1.489.325.559

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm	Số lượng cổ phần	Kết quả đầu tư năm 2013
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	3.000	11.550.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	17.424	38.332.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	2.130	8.987.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	230.550.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	100	15.000.000
Cộng	1.797.080.000	-	-	1.797.080.000	-	304.419.000

8. Vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	47.981.772.903 (k)	42.421.946.025
Vay và nợ dài hạn	2.103.800.189 (l)	3.891.300.189
Cộng	50.085.573.092	46.313.246.214

(k) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Vay cá nhân	10.678.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	36.123.924.532
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN An Giang	1.179.848.371
Cộng	47.981.772.903

(l) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	1.398.800.189
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	705.000.000
Cộng	2.103.800.189

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	14.133.099.878 (m)	13.234.551.994
Người mua trả tiền trước	1.005.124	59.231.515
Cộng	14.134.105.002	13.293.783.509

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(m) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Người bán	Số tiền
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	13.099.113.392
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.033.986.486
Cộng	14.133.099.878

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	611.603.088	355.617.868
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.228.881.348	2.068.833.027
- Thuế thu nhập cá nhân	402.171.852	132.057.844
- Tiền thuê đất	-	5.267.570
Cộng	3.242.656.288	2.561.776.309

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả	3.339.146.250 (n)	2.698.142.172
Cộng	3.339.146.250	2.698.142.172

(n) Chi tiết số dư chi phí phải trả tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Chi phí lãi vay	70.771.532
- Chi phí cho cộng tác viên	1.351.800.239
- Chi phí chăm sóc khách hàng	1.529.207.562
- Chi phí chiết khấu	387.366.917
Cộng	3.339.146.250

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.585.099.152 (o)	412.753.589
Cộng	3.585.099.152	412.753.589

(o) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Tài sản thừa chờ giải quyết	375.660.297
- Kinh phí công đoàn	158.176.841
- Bảo hiểm xã hội	1.330.874
- Cổ tức phải trả	1.954.930.000
- Trương Vương Quốc Vũ	1.093.443.537
- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	1.197.603
- Hứa Thị Loan	360.000
Cộng	3.585.099.152

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước*

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	4.399.600.000	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	23.763.266.700	-	4.399.600.000	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.148.170.128	793.697.539	-	7.941.867.667
- Quỹ dự phòng tài chính	1.168.343.233	111.396.090	-	1.279.739.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.927.921.809	6.960.702.550	2.755.129.629	6.133.494.730
Cộng	56.012.364.732	12.265.396.179	7.154.729.629	61.123.031.282

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	-	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	-	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.941.867.667	1.463.659.049	-	9.405.526.716
- Quỹ dự phòng tài chính	1.279.739.323	344.174.736	-	1.623.914.059
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.133.494.730	11.032.519.866	6.233.494.730	10.932.519.866
Cộng	61.123.031.282	12.840.353.651	6.233.494.730	67.729.890.203

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính tăng là do trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

(c) *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(d) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	26.399.600.000	22.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	4.399.600.000
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	26.399.600.000	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.959.962.000	2.609.926.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(f) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.639.960	2.639.960
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	2.639.960	2.639.960
▪ Cổ phiếu thường	2.639.960	2.639.960
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.639.960	2.639.960
▪ Cổ phiếu thường	2.639.960	2.639.960
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Hàng hóa	95.278.877.058	79.350.137.231	15.928.739.827	16,72%
- Thành phẩm	157.987.255.028	81.394.831.304	76.592.423.724	48,48%
Cộng	253.266.132.086	160.744.968.535	92.521.163.551	36,53%

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	116.295.619	39.304.822
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	2.138.051.272	1.946.842.307
- Giảm giá hàng bán – hàng hóa	9.311.295	-
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	39.492.915	7.123.464
Cộng	2.303.151.101	1.993.270.593

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	180.509.188	44.572.624
- Cổ tức được chia	304.419.000	307.645.600
- Chiết khấu thanh toán	20.999.999	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.411.810	3.468.900
Cộng	511.339.997	355.687.124

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	5.199.927.909	6.900.610.003
- Chiết khấu thanh toán	89.326.673	138.509.525
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	142.509.060	79.433.627
Cộng	5.431.763.642	7.118.553.155

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	16.086.083.398	22.734.867.301
- Chi phí vật liệu bao bì	544.626	2.523.862
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	81.471.922	81.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	130.036.960	808.177.769
- Chi phí hoa hồng, tiếp khách	10.955.966.204	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	586.767.992	6.639.619.844
- Chi phí bằng tiền khác	29.223.940.715	24.537.402.467
Cộng	57.064.811.817	54.803.591.243

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.630.470.242	5.345.336.712
- Chi phí vật liệu quản lý	34.597.240	4.709.246
- Chi phí đồ dùng văn phòng	466.297.186	309.694.181
- Chi phí khấu hao TSCĐ	296.313.275	371.411.569
- Thuế, phí và lệ phí	760.127.191	833.908.703
- Chi phí dự phòng	212.935.750	134.525.970
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.180.355	760.018.420
- Chi phí bằng tiền khác	7.134.914.614	3.594.089.761
Cộng	15.247.835.853	11.353.694.562

7. Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2013	6.133.494.730
Phân phối trong năm 2013	6.133.494.730
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.463.659.049
- Trích quỹ dự phòng tài chính	344.174.736
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	365.698.945
- Chia cổ tức năm 2012	3.959.962.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 (a)	15.354.391.774
Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế	304.419.000
- Cổ tức được chia	304.419.000
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	9.665.995.205
- Phạt chậm nộp thuế	6.302.871
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.447
- Chi phí lãi vay cá nhân vượt mức khống chế	12.594.950

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	62.000.000
- Chi phí quảng cáo, tiếp tân, khuyến mãi... vượt mức khống chế	9.581.674.937
Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2013	24.715.967.979
Trong đó: - Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi	66.299.538
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp	12.380.800.587
- Lợi nhuận chịu thuế 25%	12.268.867.854
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (b)	4.321.871.908
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2013 (c) = (a) – (b)	11.032.519.866
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100.000.000
Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2013	10.932.519.866

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**
không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.
- Thông tin về các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu /(phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đông	Mua hàng	1.745.037.294	(81.650.721)
Công ty CP Dược phẩm Te Nam Y Dược	Cổ đông	Mua hàng	59.749.831	(32.543.415)
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đông	Bán hàng	11.520.733.770	
		Mua hàng	11.462.104.856	(747.875.064)
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đông	Bán hàng	6.524.318	
		Mua hàng	2.154.308.345	(26.651.757)

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi nợ và đôn đốc thanh toán. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

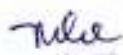
Công ty không có cho các cá nhân hay tổ chức vay vốn.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

NGƯỜI LẬP



TRẦN NGUYỄN MINH HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI MINH TRANG

Long Xuyên, ngày 25 tháng 02 năm 2014

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KHA